TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 3 – 2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa anh T và chị P".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 652/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Tấn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thiện, xã MD, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thiện, xã MD, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 28/3/2006. T gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp

nên đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay tình trạng vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T yêu cầu ly hôn chị P.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thiên Hương, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008; Huỳnh Phúc Thiên, sinh ngày 11/9/2016 và Huỳnh Thiên Trang, sinh ngày 12/7/2018. Hiện 03 con đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T đồng ý giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 02 tháng 03 năm 2020 bị đơn chị P trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của anh T về quá trình đi đến hôn nhân, hiện nay vợ chồng đang ly thân. Chị đồng ý ly hôn, thống nhất về phương án nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Sau đó, chị rút lại yêu cầu ly hôn, chị xin được đoàn tụ vì còn thương chồng, muốn con có đầy đủ cha và mẹ.

Về con chung: Có 03 con chung như anh T trình bày. Hiện 03 con đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu Tòa án cho ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị đồng ý mức cấp dưỡng mà anh T đã đề nghị

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị P. Chị P không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho anh T ly hôn chị P, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thiên Hương, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008; Huỳnh Phúc Thiên, sinh ngày 11/9/2016 và Huỳnh Thiên Trang, sinh ngày 12/7/2018. Hiện 03 con đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T cũng đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T là phù hợp quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự: Đơn xin rút lại buổi hòa giải thuận tình ly hôn; bản tự khai của cháu Hương; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của 03 cháu Hương, Thiên, Trang; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị P là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị P với lý do: Anh và chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, chị P thường xuyên ăn nói hỗn hào với mẹ chồng, không tôn trọng anh, vợ chồng đã ly thân hơn 06 tháng. Chị P không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, còn thương chồng, thương con muốn đoàn tụ gia đình, sửa chữa lỗi lầm, xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, chị P giữ quan điểm không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, đối xử lịch thiệp văn minh với nhau nhưng anh chị thường xuyên cãi vã, chị P nhiều lần cư xử thiếu tôn trọng mẹ chồng và chồng, gây mất tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng đã ly thân hơn 06 tháng. Anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh T yêu cầu yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thiên Hương, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008; Huỳnh Phúc Thiên, sinh ngày 11/9/2016 và Huỳnh Thiên Trang, sinh ngày 12/7/2018. Hiện các cháu đang sống chung với chị P, anh T đồng ý giao các cháu cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu

Hương có tờ khai với nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét yêu cầu của chị P, anh T và nguyện vọng của cháu, để ổn định tinh thần, sinh sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xét chấp nhận giao các cháu cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy anh T, chị P thỏa thuận mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Huỳnh Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự (án phí cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005965 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Tấn T được ly hôn với chị Trần Thị P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh T và chị P có 03 con chung tên Huỳnh Thiên Hương, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008; Huỳnh Phúc Thiên, sinh ngày 11/9/2016 và Huỳnh Thiên Trang, sinh ngày 12/7/2018.

2.2. Giao 03 con chung tên Huỳnh Thiên Hương, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008; Huỳnh Phúc Thiên, sinh ngày 11/9/2016 và Huỳnh Thiên Trang, sinh ngày 12/7/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Tấn T cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự (án phí cấp dưỡng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005965 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường Mỹ Hòa; TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Huỳnh Văn Hùng** **Lê Thị Hồng Thi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn
Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:
* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3
* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Trần Nghi Bình	Huỳnh Công Tấn	Ngô Ngọc Phỉ